

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-4-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Cúc;

Ông Hoàng Kim Niên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2022/TLST- HNGĐ, ngày 27-01-2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31-3-2022; quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 15-4-2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Đình K, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số nhà 131, đường Đ, khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số nhà 131, đường Đ, khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Phùng Thị S, sinh năm 1954; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Bích N, sinh năm 1960; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27-12-2021, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Đình K trình bày: Ông Hoàng Đình K kết hôn với bà

Trần Thị T ngày 26-3-1997 trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới hai người có thời gian tự tìm hiểu khoảng 02 tháng, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (giấy kết hôn đã bị thất lạc). Ông có đến ủy ban nhân dân thị trấn Đ xin xác nhận thời điểm kết hôn thì kiểm tra không thấy có tên trong sổ đăng ký kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đồng Mỏ. Đến ngày 21-12-2021, vợ chồng ông đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách suy nghĩ, quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Ông đã có suy nghĩ ly hôn nhưng vì gia đình cả hai tiếp tục chung sống với nhau. Khi chung sống cùng nhau vẫn thường xuyên xảy ra cãi vã, có lần đã dẫn đến đánh nhau. Năm 2020 bà T đã có hành vi túm cổ, dùng tay và cầm đồ vật đánh ông, có lời lẽ xúc phạm, bà T thường xuyên coi thường ông, không quan tâm để ý, chăm sóc khi ông ốm đau, vì những hành vi cư xử, không tôn trọng nhau, làm tổn thương đến uy tín, danh dự của ông. Tháng 3 năm 2021 ông đã viết đơn ly hôn nhưng lại rút về để xem xét lại tình trạng hôn nhân, trong các tháng tiếp theo vợ chồng không cải thiện được cuộc sống, khó có thể chia xẻ với nhau, quan điểm sống vẫn bất đồng, không thỏa mãn được tình cảm, hạnh phúc không còn. Mâu thuẫn vợ chồng gia đình, anh em bạn bè hai bên có biết, đã khuyên bảo nhưng không hàn gắn được. Vợ chồng ông đã sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay, khác người khác sống một nhà, vợ và các con ở một nhà, ông về nhà bà nội sinh sống, từ khi sống ly thân cả hai không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông sinh được 03 người con chung là Hoàng Đình C, sinh ngày 30-12-1998; Hoàng Đình H, sinh ngày 07-4-2002 và Hoàng Kim Linh G, sinh ngày 09-6-2015. Khi ly hôn hai con Hoàng Đình C và Hoàng Đình H hiện đã trưởng thành, các cháu không bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với cháu Hoàng Kim Linh G chưa đủ 18 tuổi khi ly hôn bà Trần Thị T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành, ông Hoàng Đình K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng đã tạo dựng được khối tài sản chung nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn bà Trần Thị T vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa; tại Bản khai và Biên bản lấy lời khai bà trình bày: Về quá trình tìm hiểu, điều kiện kết hôn như ông Kỷ trình bày, do đăng ký kết hôn không còn lưu giữ ngày 21-12-2021 vợ chồng bà có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 21 năm, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách suy nghĩ, quan điểm sống,

tính cách không phù hợp dẫn đến to tiếng cãi nhau. Tháng 3-2021 ông Kỷ có làm đơn ly hôn gửi đến Tòa, sau đó ông Kỷ có rút đơn ly hôn về để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau, mỗi người ở một nhà nhưng vẫn ăn cơm với nhau. Đến tháng 01-2022 ông Kỷ tiếp tục làm đơn ly hôn từ đó hai vợ chồng bắt đầu ăn, ở riêng đến nay. Cá nhân bà hứa sẽ thay đổi, điều chỉnh, khắc phục những nhược điểm để vun đắp, xây dựng gia đình hạnh phúc, bà mong chồng sẽ suy nghĩ lại và thay đổi quyết định của mình. Bà không đồng ý ly hôn với chồng, không muốn các con thiết thốn tình cảm của bố và mẹ.

Về con chung: 02 con đầu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Hoàng Kim Linh G nếu ly hôn bà có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành, bà không yêu cầu ông Hoàng Đình K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Người làm chứng bà Phùng Thị S, bà Nguyễn Bích N vắng mặt, tại Biên bản lấy lời khai các bà cho biết: Các bà là hàng xóm với vợ chồng ông Kỷ, bà Tám. Trước đây khoảng 4, 5 năm (và 8, 9 năm) về trước vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau là do hai vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ anh Kỷ thì giữa mẹ chồng và con dâu có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Sau đó vợ chồng K đã mua 01 ngôi nhà khác cùng khu Hòa Bình I ở riêng, hai vợ chồng chỉ đi lại với bố mẹ đẻ anh K. Một, hai năm gần đây không thấy vợ chồng anh K cãi chửi nhau. Không biết nguyên nhân gì vợ chồng anh K xin ly hôn. Không nghe thấy thông tin gì về việc anh K có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Anh K viết đơn ly hôn không thấy báo chính quyền địa phương, không biết vợ chồng có sống ly thân hay không, hiện chị T vẫn có mặt tại nơi cư trú. Vợ chồng anh chị có 03 con chung, về điều kiện nuôi con anh K không có công ăn việc làm ổn định, nên thu nhập không có, còn chị T có công việc ổn định buôn cửa hàng tạp hóa tại thị trấn Đ, có 01 ngôi nhà hai tầng tại thị trấn Đ nên có đủ điều kiện nuôi con đầy đủ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật Tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự, đúng quan hệ pháp luật, tuy nhiên chưa giải thích quyền trợ giúp pháp lý cho bị đơn, chưa thực hiện đúng quy định tại điều 7, khoản 1 Điều 9 Thông tư liên tịch số 10/2008 ngày 29-6-2018. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng quy định của pháp luật. Phía bị đơn vắng mặt không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giải quyết cho ông K được ly hôn với bà T. Về con chung: Giao cháu Hoàng Kim Linh G cho bà Trần Thị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Trần Thị T có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là nơi bị đơn cư trú. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người làm chứng bà Phùng Thị S, bà Nguyễn Bích N đã có lời khai, có ý kiến về việc vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của bị đơn và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thấy: Ông Hoàng Đình K, bà Trần Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc hay bị lừa dối, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng -ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, ngày 21-12-2021 nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Đình K xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về phía bị đơn bà Trần Thị T có đến Tòa án để lấy lời khai bà cho rằng vợ chồng vẫn còn tình cảm mong muốn được đoàn tụ nhưng kể từ thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay bà Tám không đưa ra được giải pháp nào chứng minh cho yêu cầu đoàn tụ của mình, bà Trần Thị T không hợp tác, không phối hợp cùng Tòa án để hòa giải việc hôn nhân của bà. Lời khai bà Trần Thị T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Lời khai của người làm chứng cho rằng gần đây không nghe thấy vợ chồng cãi chửi nhau, không biết nguyên nhân gì vợ chồng ông K xin ly hôn, không nghe thông tin gì về việc ông K có quan hệ ngoại tình. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện tháng 3 năm 2021 ông K đã làm đơn khởi kiện ra tòa xin ly hôn sau đó ông đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Trong khoảng thời gian 09 tháng kể từ thời điểm rút đơn ly hôn đến khi ông K gửi đơn khởi kiện lại cho thấy tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa ông K và bà T là có, vợ chồng đã cho nhau thời gian quay về chung sống nhưng không đi đến kết quả và hiện tại cả hai thừa nhận đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2022. Nhận thấy, ông Hoàng Đình K và

bà Trần Thị T chung sống với nhau đã có mâu thuẫn trầm trọng xảy ra, đã sống ly thân, không còn quan tâm, hỏi han, chăm sóc lẫn nhau, xác định tình cảm vợ chồng giữa ông bà thực sự không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho ông Hoàng Đình K được ly hôn bà Trần Thị T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Ông K, bà T có 03 người con chung là Hoàng Đình C, sinh ngày 30-12-1998; Hoàng Đình H, sinh ngày 07-4-2002 và Hoàng Kim Linh G, sinh ngày 09-6-2015. Đối với hai con Hoàng Đình C và Hoàng Đình H hiện đã trưởng thành, các cháu không bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động, do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án xem không xét giải quyết. Đối với cháu Hoàng Kim Linh G chưa đủ 18 tuổi, ông K nhất trí cho bà Tám có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Hoàng Kim Linh G đến tuổi trưởng thành, ông Hoàng Đình K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với việc nuôi dưỡng con chung và không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với lời khai của bà Trần Thị T, phù hợp với lời khai của cháu Hoàng Kim Linh G. Tuy các đương sự đã thỏa thuận được việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nhưng do bà Tám không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không thể ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự được mà căn cứ theo quy định của pháp luật quyết định giao cháu Hoàng Kim Linh G, sinh ngày 09-6-2015 cho bà Trần Thị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tới tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Hoàng Đình K không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Trần Thị T không yêu cầu. Ông Hoàng Đình K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng ông bà có tạo dựng được khối tài sản chung, do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa đưa ra là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn ông Hoàng Đình K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn để nộp ngân sách nhà nước (xác nhận ông Kỷ đã nộp) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 186; khoản 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227;

khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; các Điều 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Các Điều 57; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Hoàng Đình K được ly hôn bà Trần Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Kim Linh G, sinh ngày 09-6-2015 cho bà Trần Thị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Hoàng Đình K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Trần Thị T không yêu cầu. Ông Hoàng Đình K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Hoàng Đình K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Xác nhận ông Hoàng Đình K đã nộp đủ số tiền án phí 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003108 ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Hoàng Đình K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyết định yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- CCTHADS huyện C;
- UBND thị trấn Đ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thúy Huyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thu Cúc

Hoàng Kim Niên

Nguyễn Thúy Huyền

